

Số: /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 125/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 06/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về Quy định nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh; mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội

*để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2026

2. Bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

b) Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn của ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

c) Bãi bỏ danh mục Quyết định tại số thứ tự 18 Mục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ; Kho bạc nhà nước Khu vực VIII; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ngân hàng CSXH Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Như Điều 2;
- CVP; các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin – Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**

## QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương  
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo  
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND  
ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Chi nhánh NHCSXH tỉnh) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 11/2017/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Quy chế này là các cơ quan có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, cụ thể: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cho vay của Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường và hộ vay vốn là hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với từng chương trình tín dụng cụ thể.

### Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Điều 3. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh

1. Giao Sở Nội vụ ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

2. Hợp đồng ủy thác gồm những nội dung chính như sau: Thông tin của bên ủy thác, thông tin bên nhận ủy thác, nội dung công việc ủy thác, tổng giá trị ủy thác, quyền và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác, hiệu lực Hợp đồng và các nội dung cần thiết khác liên quan.

3. Hợp đồng ủy thác được ký sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính. Trường hợp có thay đổi về nội dung Hợp đồng ủy thác, Sở Nội vụ và Chi nhánh

NHCSXH tỉnh thực hiện điều chỉnh Hợp đồng ủy thác hoặc ký bổ sung Phụ lục Hợp đồng ủy thác.

**Điều 4. Lập, phân bổ dự toán và quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hằng năm, giai đoạn để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác**

1. Lập dự toán ngân sách, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh

a) Hằng năm, cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Chi nhánh NHCSXH tỉnh chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý đối tượng vay vốn tổng hợp nhu cầu vay vốn tín dụng chính sách xã hội của các đối tượng, xác định nhu cầu bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Chi nhánh NHCSXH tỉnh để thực hiện tín dụng chính sách xã hội, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

b) Trên cơ sở đề xuất bổ sung nguồn vốn ủy thác của Chi nhánh NHCSXH tỉnh, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nguồn vốn ủy thác từ ngân sách tỉnh qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh cho vay theo quy định, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

c) Trường hợp phát sinh nhu cầu bổ sung nguồn vốn ủy thác trong năm, Chi nhánh NHCSXH tỉnh phối hợp với các cơ quan quản lý đối tượng vay vốn tổng hợp nhu cầu vay vốn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Quy trình chuyển kinh phí ngân sách địa phương ủy thác sang Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

Căn cứ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác hằng năm, Quyết định phân bổ nguồn vốn cho vay được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Tài chính chuyển nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh. Sở Tài chính thực hiện chuyển tiền bằng hình thức lệnh chi tiền và hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

**Điều 5. Đối tượng cho vay**

1. Người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP.

2. Người chấp hành xong án phạt tù, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù theo quy định tại Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg.

3. Cho vay theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

4. Các đối tượng chính sách khác tại địa phương (ngoài đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này) do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có).

## **Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay**

1. Đối với đối tượng cho vay theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP, Điều 5 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg và hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH đối với từng chương trình cho vay, phù hợp với đối tượng vay vốn được quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

2. Các đối tượng chính sách khác tại địa phương: Thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh (nếu có).

## **Điều 7. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn**

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC.

## **Điều 8. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay**

Chi nhánh NHCSXH tỉnh quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên như sau:

### **1. Trích lập và quản lý dự phòng rủi ro tín dụng**

a) Chi nhánh NHCSXH tỉnh thực hiện trích lập và quản lý dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của NHCSXH và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

### **2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh**

a) Mức phí quản lý: Thực hiện trích 0,245%/tháng tính trên dư nợ cho vay bình quân từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh hằng năm.

b) Điều chỉnh mức phí quản lý: Trường hợp mức phí quản lý tối thiểu do Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội cao hơn 0,245%/tháng, thì áp dụng mức phí quản lý theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Trường hợp số lãi thu được sau khi trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ để trích phí quản lý theo quy định, căn cứ nhiệm vụ quản lý nguồn vốn ủy thác và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách cấp tỉnh thực hiện cấp bù cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh nơi nhận ủy thác.

3. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, các sở, ngành và đơn vị có liên quan đối với hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương:

a) Mức trích: Thực hiện trích 8% trên tổng số tiền lãi thu được trong năm từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương và tỷ lệ được hưởng của các cơ quan, đơn vị, như sau:

Ban Đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh 2%.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh 2%.

Sở Tài chính 2%.

Sở Nội vụ 2%.

Căn cứ mức phí quản lý được trích, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, các đơn vị liên quan quyết định việc sử dụng nguồn kinh phí được trích theo quy định.

b) Xử lý kinh phí cuối năm: Trường hợp đến hết năm ngân sách mà kinh phí trích lập chưa sử dụng hết thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng theo đúng mục đích. Trường hợp không còn nhu cầu sử dụng, việc xử lý kinh phí thực hiện theo khoản 4 Điều này.

4. Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

5. Quyết định sử dụng lãi vay: Định kỳ hàng quý, Chi nhánh NHCSXH tỉnh tổng hợp, hạch toán phân bổ lãi cho vay thu được theo tỷ lệ nêu tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này và tổng hợp vào báo cáo theo Điều 10 Quy chế này.

6. Đối với phí quản lý nguồn vốn ủy thác: Chi nhánh NHCSXH tỉnh thực hiện các nội dung chi, mức chi, quản lý và quyết toán theo quy định pháp luật hiện hành và của NHCSXH.

#### **Điều 9. Xử lý nợ bị rủi ro**

Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC.

#### **Điều 10. Chế độ báo cáo**

Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính theo quy định.

#### **Điều 11. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán**

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

1. Các cơ quan, đơn vị quản lý đối tượng vay vốn

a) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh chỉ đạo triển khai các chính sách tín dụng từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác trên địa bàn; phối hợp xử lý, thu hồi nợ đối với các đối tượng vay vốn thuộc phạm vi quản lý.

b) Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện các chương trình cho vay theo lĩnh vực được phân công quản lý.

## 2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh tham mưu UBND tỉnh báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí vốn ngân sách tỉnh để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

b) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí vốn ngân sách địa phương trong dự toán ngân sách, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh; chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan xem xét, tổng hợp dự toán kinh phí cấp bù chi phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh (nếu có) báo cáo UBND tỉnh.

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 8 Quy chế này.

## 3. Chi nhánh NHCSXH tỉnh

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh ủy thác theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quyết định này.

b) Tham mưu Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh xây dựng và phân bổ kế hoạch tín dụng được giao từ nguồn ngân sách tỉnh ủy thác.

c) Phối hợp với cơ quan quản lý đối tượng vay vốn xây dựng kế hoạch nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác hằng năm, giai đoạn gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh; Thông báo điều chỉnh nguồn vốn cho vay giữa địa bàn các xã, phường và giữa các chương trình cho vay theo quy định.

d) Hướng dẫn nghiệp vụ; thực hiện quy trình thủ tục cho vay; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình tín dụng chính sách theo quy định.

đ) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

## 4. Sở Nội vụ

a) Ký Hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh đảm bảo theo quy định tại Điều 3 Quyết định này.

b) Theo dõi, rà soát các đối tượng được thực hiện chính sách cho vay giải quyết việc làm theo quy định pháp luật việc làm.

## 5. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn, rà soát nhu cầu vay vốn, phân bổ nguồn vốn theo từng chương trình cho vay theo Quyết định này.

b) Phối hợp với NHCSXH các cấp, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ; hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan, có ý kiến về đề nghị xử lý rủi ro của khách hàng.

c) Tổ chức việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và các

đối tượng chính sách khác theo chỉ đạo và hướng dẫn của cấp trên làm cơ sở để thực hiện cho vay đúng đối tượng.

#### 6. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

#### 7. Trách nhiệm của khách hàng vay vốn

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.

c) Hoàn trả tiền gốc, tiền lãi đúng quy định.

### **Điều 13. Tổ chức thực hiện**

1. Những quy định khác có liên quan đến quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác không quy định trong Quyết định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, các vấn đề cần sửa đổi, bổ sung thì các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản gửi Sở Tài chính để xem xét, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, nhằm đảm bảo sử dụng vốn ủy thác đúng mục đích, hiệu quả./.